GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **253** /QĐ-HĐTS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
V/v chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự GHPGVN thành phố Huế Nhiệm kỳ IX (2026 - 2031)

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

- *Căn cứ Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam;*
- *Căn cứ Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo;*
- *Căn cứ Công văn số 455/BDTTG-TG ngày 22/9/2026 của Sở Nội vụ thành phố Huế;*
- *Căn cứ Tờ trình số 269/TTr-BTS ngày 22/9/2026 của Ban Trị sự GHPGVN thành phố Huế về việc đề nghị chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự GHPGVN thành phố Huế nhiệm kỳ IX (2026-2031).*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự GHPGVN thành phố Huế nhiệm kỳ IX (2026-2031), gồm 14 thành viên Chứng Minh Ban Trị sự; 104 thành viên Ban Trị sự *(Ban Thường trực 34 vị, Ủy viên 60 vị, Ủy viên dự khuyết 10 vị)* do Hòa thượng Thích Huệ Phước làm Trưởng ban. *(đính kèm danh sách)*

Điều 2: Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự, Chánh Văn phòng 2 Trung ương GHPGVN, Trưởng Ban Trị sự GHPGVN thành phố Huế và các vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Bộ DTTG, Ban TGCP;
- UBND thành phố Huế;
- UBMTTQVN thành phố Huế;
- Sở Nội vụ thành phố Huế;
- PA02 CA thành phố Huế;
- Lưu: VP1, VP2.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
BAN THƯỜNG TRỰC TRUNG ƯƠNG
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

Hòa thượng Thích Thiện Nhơn

VĂN BẢN GHPGVN
Mã: VBGH-X-2026-0037
Số: 253/QĐ-HĐTS · 05/10/2026
Quét QR đối chiếu bản gốc

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH
BAN TRỊ SỰ GHPGVN THÀNH PHỐ HUẾ
NHIỆM KỲ IX (2026-2031)

(Theo Quyết định số: **253** /QĐ-HĐTS ngày 05/10/2026)

A. CHỨNG MINH BAN TRỊ SỰ

1. Hòa thượng Thích Đức Thanh
2. Hòa thượng Thích Lưu Hòa
3. Hòa thượng Thích Chơn Tế
4. Hòa thượng Thích Tánh Tịnh
5. Hòa thượng Thích Thanh Liên
6. Hòa thượng Thích Giác Quang
7. Hòa thượng Thích Quang Nhuận
8. Hòa thượng Thích Từ Vân
9. Hòa thượng Thích Chơn Hương
10. Hòa thượng Thích Hải Ấn
11. Hòa thượng Thích Khế Chơn
12. Hòa thượng Thích Quán Chơn
13. Hòa thượng Thích Thanh Đàm
14. Hòa thượng Thích Giác Đạo

A. BAN TRỊ SỰ: 104 thành viên.

I. Ban Thường trực: 34 vị.

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
1	**HT. Thích Huệ Phước** (Nguyễn Đình Cấu)	1957	Trưởng Ban Trị sự Phụ trách Tăng sự
2	**HT. Thích Phước Minh** (Đào Đối)	1959	Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Trị sự
3	**HT. Pháp Tông** (Nguyễn Văn Thông)	1957	Phó Trưởng Ban Trị sự
4	**TT. Thích Nguyên Thành** (Lê Văn Mẫn)	1968	Phó Trưởng Ban Trị sự
5	**TT. Thích Thường Chiếu** (Hoàng Thông)	1968	Phó Trưởng Ban Trị sự

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
6	**TT. Thích Nguyên Đạt** (Lê Công Thuận)	1968	Phó Trưởng Ban Trị sự
7	**TT. Thích Lương Nguyên** (Trương Xuân Nam)	1972	Phó Trưởng Ban Trị sự
8	**TT. Thích Phước Nghiêm** (Nguyễn Văn Khởi)	1971	Phụ trách Giáo dục Phật giáo
9	**TT. Thích Thiền Trí** (Phạm Phước Mão)	1975	Phụ trách Hoằng pháp - Hướng dẫn Phật tử
10	**TT. Thích Tuệ Vân** (Phan Đức Lộc)	1966	Phụ trách Văn hoá - Nghi Lễ
11	**NT. TN Bích Châu** (Phạm Thị Phương)	1960	Phụ trách Kinh tế Tài chánh - Từ thiện Xã hội; Trưởng Phân ban Ni giới
12	**TT. Thích Hương Yên** (Lê Phú)	1978	Phụ trách Phật giáo Quốc tế
13	**TT. Thích Tâm Chiếu** (Lê Trần Nhật Đăng)	1977	Phụ trách Pháp chế - Kiểm soát
14	**TT. Thích Quang Tư** (Lê Quang Tư)	1977	Chánh Thư ký
15	**TT. Thích Thiện Tuệ** (Nguyễn Văn Phụng)	1975	Phó Chánh Thư ký - Chánh Văn phòng
16	**TT. Thích Chí Viên** (Hồ Sỹ Hùng)	1978	Phó Chánh Thư ký; Phó Chánh Văn phòng; Phụ trách Thông tin Truyền thông
17	**NS. TN Hạnh Ngọc** (Nguyễn Thị Quỳnh Châu)	1963	Thủ quỹ
18	**TT. Thích Kiên Niệm** (Đoàn Khương Lớn)	1965	Uỷ viên Thường trực
19	**TT. Thích Tâm Hạnh** (Trương Văn Minh)	1972	Uỷ viên Thường trực
20	**TT. Thích Phước Thông** (Trần Văn Huế)	1969	Uỷ viên Thường trực
21	**TT. Thích Không Nhiên** (Đoàn Văn An)	1974	Uỷ viên Thường trực
22	**TT. Thích Ngộ Tùng** (Đoàn Phước Thiện)	1975	Uỷ viên Thường trực
23	**TT. Thích Tịnh Thường** (Trần Văn Na)	1972	Uỷ viên Thường trực
24	**TT. Thích Minh Tuệ** (Lê Văn Thân)	1968	Uỷ viên Thường trực
25	**TT. Thích Tâm Quang** (Phan Văn Bồi)	1978	Uỷ viên Thường trực

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
26	**TT. Thích Nhật Tuệ** (Trần Đình Tài)	1973	Uỷ viên Thường trực
27	**TT. Thích Hồng Nghĩa** (Lê Đình Hướng)	1978	Uỷ viên Thường trực
28	**TT. Thích Thiện Bửu** (Trần Bảy)	1978	Uỷ viên Thường trực
29	**ĐĐ. Thích Minh Chuẩn** (Võ Lê Như Vũ)	1973	Uỷ viên Thường trực
30	**ĐĐ. Thích Tâm Phương** (Nguyễn Bê)	1978	Uỷ viên Thường trực
31	**ĐĐ. Thích Pháp Tịnh** (Trần Viết Phòng)	1986	Uỷ viên Thường trực
32	**NS. TN Tuệ Uyển** (Hồ Thị Oanh)	1973	Uỷ viên Thường trực
33	**SC. TN Hạnh Giải** (Lê Thị Thuỳ Trang)	1976	Uỷ viên Thường trực
34	**Cư sĩ Tâm Chánh** (Lê Quang Cự)	1960	Uỷ viên Thường trực

II. Ủy viên Ban Trị sự: 60 Vị

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
1	**TT. Thích Thế Thanh** (Nguyễn Văn Phương)	1965	Ủy viên
2	**TT. Thích Hải Đức** (Đoàn Nguyên Hữu)	1971	Ủy viên
3	**TT. Thích Hồng Tuệ** (Đào Bá Quốc Anh)	1967	Ủy viên
4	**TT. Thích Pháp Hải** (Trần Xuân Hiếu)	1974	Ủy viên
5	**TT. Thích Minh Chính** (Nguyễn Văn Chính)	1975	Ủy viên
6	**TT. Thích Nhật Minh** (Tống Thanh Bình)	1976	Ủy viên
7	**TT. Thích Pháp Quang** (Nguyễn Văn Hoá)	1976	Ủy viên
8	**TT. Thích Nguyên Thường** (Mai Khắc Thống)	1976	Ủy viên
9	**TT. Thích Phước Điền** (Trần Quốc Phương)	1980	Ủy viên

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
10	**TT. Thích Phước Như** (Đoàn Phước Trị)	1978	Ủy viên
11	**TT. Thích Huyền Ngộ** (Phùng Hữu Nhật)	1980	Ủy viên
12	**TT. Thích Đạo Châu** (Lê Tôn Anh Vũ)	1979	Ủy viên
13	**TT. Thích Quảng Đạt** (Phạm Phước Khánh)	1980	Ủy viên
14	**TT. Thích Đạo Sĩ** (Trần Bá Cường)	1977	Ủy viên
15	**TT. Thích Thường Nhật** (Tôn Thất Thất)	1973	Ủy viên
16	**TT. Thích Pháp Niệm** (Hồ Khắc Minh)	1977	Ủy viên
17	**TT. Thích Thiền Hải** (Hoàng Trọng Sang)	1976	Ủy viên
18	**TT. Thích Nguyên Hải** (Phan Lê Hồ)	1975	Ủy viên
19	**TT. Thích Trung Tuệ** (Nguyễn Hữu Trí)	1978	Ủy viên
20	**ĐĐ. Thích Hoàng Tịnh** (Trần Viết Đôn)	1981	Ủy viên
21	**ĐĐ. Thích Thiện Mỹ** (Lê Bảo Long)	1981	Ủy viên
22	**ĐĐ. Thích Quảng Chánh** (Đặng Xuân Lợi)	1978	Ủy viên
23	**ĐĐ. Thích Thiện Hương** (Phan Thành Trí)	1982	Ủy viên
24	**ĐĐ. Thích Quảng Nguyện** (Nguyễn Văn Liêu)	1985	Ủy viên
25	**ĐĐ. Thích Chánh Đạo** (Lê Ngọc Phát)	1982	Ủy viên
26	**ĐĐ. Thích Ngộ Tâm** (Nguyễn Thành Nhân)	1980	Ủy viên
27	**ĐĐ. Tánh Thuận** (Bùi Xuân Nhân)	1982	Ủy viên
28	**ĐĐ. Thích Huyền Diệu** (Nguyễn Đức Thắng)	1978	Ủy viên
29	**ĐĐ. Thích Chánh Đức** (Võ Quốc Đạt)	1983	Ủy viên

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
30	**ĐĐ. Thích Trung Định** (Đỗ Đình Tuấn)	1972	Ủy viên
31	**ĐĐ. Thích Thiện Đạo** (Nguyễn Quang Đức)	1984	Ủy viên
32	**ĐĐ. Thích Huyền Tâm** (Nguyễn Ngọc Tú)	1981	Ủy viên
33	**ĐĐ. Thích Thiền Định** (Trần Tám)	1984	Ủy viên
34	**ĐĐ. Thích Quảng Tuệ** (Lê Văn Thanh)	1975	Ủy viên
35	**ĐĐ. Thích Ngộ Hòa** (Đinh Minh Hải)	1981	Ủy viên
36	**ĐĐ. Thích Huyền Định** (Phan Đắc Phong)	1984	Ủy viên
37	**ĐĐ. Thích Phước Hoà** (Phan Thanh Bảy)	1983	Ủy viên
38	**ĐĐ. Thích Quảng Tâm** (Nguyễn Đức Cường)	1976	Ủy viên
39	**ĐĐ. Thích Thuần Đức** (Lê Quang Vinh)	1982	Ủy viên
40	**ĐĐ. Thích Huệ Trọng** **(**Trần Thanh Trọng)	1986	Ủy viên
41	**ĐĐ. Thích Hương Định** (Đoàn Viết Bửu)	1986	Ủy viên
42	**ĐĐ. Thích Thuần Tâm** (Nguyễn Văn Hải)	1985	Ủy viên
43	**ĐĐ. Thích Thành Cát** (Đoàn Anh Trãi)	1989	Ủy viên
44	**ĐĐ. Thích Minh Đạo** (Dương Quang Nam)	1987	Ủy viên
45	**ĐĐ. Thích Quảng Độ** (Lê Duy Bôn)	1989	Ủy viên
46	**ĐĐ. Thích Huệ Văn** (Đoàn Quang Văn)	1981	Ủy viên
47	**ĐĐ. Thích Pháp Hạnh** (Trần Viết Phong)	1988	Ủy viên
48	**ĐĐ. Thích Phước Đạt** (Văn Phước Trung)	1980	Ủy viên
49	**ĐĐ. Thích Thiền Ngộ** (Hoàng Lệ)	1987	Ủy viên

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
50	**ĐĐ. Thích Thiện Niệm** (Đào Thanh Tín)	1989	Ủy viên
51	**ĐĐ. Thích Phổ Chơn** (Nguyễn Đăng Lập)	1974	Ủy viên
52	**NS. TN Minh Thuận** (Nguyễn Thị Hà)	1970	Ủy viên
53	**SC. TN Liên Trang** (Nguyễn Thị Tố Quyên)	1971	Ủy viên
54	**SC. TN Như Huệ** (Nguyễn Thị Phượng)	1979	Ủy viên
55	**SC. TN Liên Trí** (Nguyễn Thị Quýt)	1979	Ủy viên
56	**Cư sĩ Tâm Quả** (Hà Văn Tám)	1969	Ủy viên
57	**Cư sĩ Nguyên Nghĩa** (Phan Thiện Nhân)	1970	Ủy viên
58	**Cư sĩ Quảng Châu** (Phan Thị Thuý Ngân)	1976	Ủy viên
59	**Cư sĩ Quảng Lạc** (Trần Quang Nhật An)	1981	Ủy viên
60	**Cư sĩ Quảng Thuận** (Lê Vũ Long)	1982	Ủy viên

III. Ủy viên Dự khuyết: 10 vị

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
1	**ĐĐ. Thích Huyền Như** (Đỗ Hoàng Nguyên)	1986	Ủy viên dự khuyết
2	**ĐĐ. Thích Phước Nghĩa** (Nguyễn Ngọc Nhơn)	1989	Ủy viên dự khuyết
3	**ĐĐ. Thích Quảng Hoàng** (Trương Công Hầu)	1994	Ủy viên dự khuyết
4	**ĐĐ. Thích Giác Quang** (Nguyễn Hoằng Phú)	1984	Ủy viên dự khuyết
5	**ĐĐ. Thích Thiền Huy** (Nguyễn Văn Mạnh)	1993	Ủy viên dự khuyết
6	**SC. TN Liên Hải** (Nguyễn Thị Bích Ngọc)	1972	Ủy viên dự khuyết
7	**SC. TN Liên Như** (Nguyễn Thị Chót)	1978	Ủy viên dự khuyết

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
8	**SC. TN Tịnh Ánh** (Hoàng Thảo Nhi)	1984	Ủy viên dự khuyết
9	**Cư sĩ Đồng Mãn** (Lê Đoàn Tiến Sung)	1972	Ủy viên dự khuyết
10	**Cư sĩ Nguyên Đức** (Hoàng Nguyễn Hồng Phước)	1974	Ủy viên dự khuyết

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
BAN THƯỜNG TRỰC TRUNG ƯƠNG
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

Hòa thượng Thích Thiện Nhơn

VĂN BẢN GHPGVN
Mã: VBGH-X-2026-0037
Số: 253/QĐ-HĐTS · 05/10/2026
Quét QR đối chiếu bản gốc